TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS -PT
Ngày 29 - 4 - 2020
V/v: *Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và tuyên bố văn bản, giấy tờ vô hiệu*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Ngọc Trung

Các Thẩm phán: Ông Hồ Hữu Việt

Ông Nguyễn Minh Hùng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Phương Hằng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang: Ông Nguyễn Văn Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 4 năm 2020 về việc "*Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và tuyên bố văn bản, giấy tờ vô hiệu".*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 113/2019/DS-ST ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2020/QĐ-PT, ngày 15 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1947

Địa chỉ: Tổ 01, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Anh Đỗ Đăng L, sinh năm 1981

Nơi ĐKHKTT: Tổ 01, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 4, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

2. Ông Nguyễn Trung L, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số nhà 85, tổ 12, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

- *Các đồng bị đơn:*

1. Ông **Trần Đức H**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 9, phường TQ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

2. Ông **Phạm Văn K**, sinh năm 1955. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

3. Bà **Dương Thị D**, sinh năm 1960. *Có mặt.*

4. Ông **Nguyễn Kim T**, sinh năm 1953. *Có mặt.*

5. Ông **Triệu Quang Y**, sinh năm 1952. *Có mặt.*

6. Bà **Đinh Thị Q**, sinh năm 1947. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

7. Ông **Hoàng Văn C**, sinh năm 1944. *Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.*

8. Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1964. *Có mặt.*

9. Ông **Vũ Chí H**, sinh năm 1967. *Có mặt.*

Cùng địa chỉ: Tổ 01, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

10. Ông **Nguyễn Quang T**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ 3, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:*

Năm 2014 gia đình bà Nguyễn Thị V làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất trên diện tích 1.440,9m2 đất tại tổ 2 (nay là tổ 1), phường Y, thành phố T mà gia đình bà Nguyễn Thị V được Hợp tác xã Nông nghiệp xã Y (nay là Hợp tác xã Nông nghiệp Phường Y) cấp năm 1984 và UBND xã Y (nay là UBND Phường Y) cấp năm 1995. Quá trình làm thủ tục cấp giấy, UBND Phường Y đã nhiều lần mời gia đình bà V lên để làm việc nhưng vẫn không hoàn thiện được hồ sơ xin cấp GCNQSD đất cho gia đình bà V. Do đó, gia đình bà V đã gửi đơn khiếu nại về hành vi hành chính đến Chủ tịch UBND Phường Y. Ngày 12/7/2015 gia đình bà V nhận được Thông báo về việc thụ lý đơn khiếu nại lần đầu nhưng đến khi thời hạn giải quyết khiếu nại đã hết mà gia đình bà V vẫn chưa được UBND phường giải quyết. Do vậy gia đình bà V có Đơn khởi kiện vụ án hành chính về khiếu kiện hành vi hành chính đối với UBND phường Y ra Tòa án nhân dân thành phố T.

Quá trình Toà án nhân dân thành phố T thụ lý giải quyết vụ án hành chính, bà Nguyễn Thị V có đơn xin cấp GCNQSD đất gửi Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai (chi nhánh VPĐKĐĐ) thành phố T. Ngày 16/12/2016, chi nhánh

VPĐKĐĐ thành phố T đã có Công văn số 264/CV- VPĐK về việc lấy ý kiến xác nhận và công khai kết quả kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSDĐ của bà Nguyễn Thị V, tổ 2, phường Y, thành phố T. Ngày 08/02/2017 UBND phường Y có công văn số 12/CV-UBND chỉ đạo tổ trưởng tổ 2 tổ chức họp lấy ý kiến của khu dân cư làm rõ về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với từng phần diện tích của thửa đất số 285, tờ bản đồ số 51. Ngày 17/02/2017 Tổ dân phố 2 tổ chức cuộc họp lấy ý kiến khu dân cư do tổ trưởng tổ 2 chủ trì, cán bộ địa chính phường Y ghi biên bản. Tại cuộc họp có nhiều người dân tham gia thể hiện ý kiến của mình, tại phiếu lấy ý kiến khu dân cư thể hiện "các thành phần dự họp đề nghị không cấp GCNQSD đất cho bà V đối với diện tích đất trước đây là đường đi". Cho rằng những người dân tham gia cuộc họp đã đưa ra những ý kiến sai sự thật, tạo thông tin giả là bà V có hành vi lấn chiếm đường đi, lấn chiếm đất gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bà V nên gia đình bà V không được cấp GCNQSD đất. Bà V làm đơn khởi kiện ra Toà án yêu cầu những người có mặt tại cuộc họp ngày 17/02/2017 có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm và kinh tế cho bà V, đồng thời đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của các văn bản do UBND phường Y đưa ra niêm yết công khai.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Trung L trình bầy: Theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V đề nghị Toà án giải quyết về yêu cầu bồi thường danh dự, nhân phẩm và tài sản cho bà V vì việc những người dân nêu tên trong cuộc họp thôn lấy phiếu lấy ý kiến khu dân cư đã đưa ra những ý kiến sai sự thật, tạo thông tin giả, vu khống có tổ chức là bà V có hành vi lấn chiếm đường đi, lấn chiếm đất gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bà V; ông Nguyễn Quang T đưa ra ý kiến trong thửa đất của bà V có con đường đi và đất của bà V được cấp 2 lần; ông Trần Đức H lợi dụng chức vụ là Bí thư kiêm Chủ tịch UBND phường đã có hành vi chỉ thị cho những người dân trên tổ chức cuộc họp lấy phiếu lấy ý kiến khu dân cư, đưa ra các thông tin không đúng sự thật, vu khống cho bà V gây ảnh hưởng đến quyền lợi của Vân. Theo ông được biết cuộc họp đó là cuộc họp kín có khoảng 10 người tham gia, căn cứ nội dung cuộc họp đó thì UBND phường Y đã không hoàn thiện thủ tục cấp GCNQSD đất cho bà V. Từ đó cho đến nay gia đình bà V vẫn chưa được cấp GCNQSD đất. Trong khi đó bà V có chia cho anh Đỗ Đăng L 01 thổ đất, khi anh L đào móng làm nhà thì chính quyền không cho xây nhà vì đất đang có tranh chấp, anh L hiện không có chỗ ở nên phải đi thuê nhà sống từ đó đến nay.

Vì những hành vi trên đề nghị Toà án xem xét giải quyết buộc tất cả 10 bị đơn gồm Ông Trần Đức H, ông Phạm Văn K, bà Dương Thị D, ông Nguyễn Kim T, Triệu Quang Y, Đinh Thị Q, Hoàng Văn C, Nguyễn Văn K, Vũ Chí H, Nguyễn Quang T cùng có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho bà V cụ thể:

- Bồi thường danh dự nhân phẩm cho bà V vì đã có hành vi vu khống cho bà V lấn chiếm đất nên bà V không được cấp GCNQSD đất, anh L không có chỗ ở, có đất mà không được làm nhà phải đi thuê nhà để ở; bồi thường thiệt hại tài sản về kinh tế cho bà V vì phải mất tiền đi thuê nhà ở, mất ngày công lao động trong suốt quá trình gia đình bà V đi xin cấp GCNQSD đất và tham gia tố tụng tại các

cấp Toà án. Tổng số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại là **100.000.000** (một trăm triệu) đồng

- Ngoài ra, đề nghị Toà án xem xét tính hợp pháp của các văn bản do UBND phường Y đưa ra niêm yết công khai, đề nghị Toà án tuyên vô hiệu đối với các văn bản đó gồm: Danh sách công khai số 05/DSTB, thông báo số 05/TB-UBND, sơ đồ trích lục thửa đất, thửa số số 285, tờ bản đồ 51, đo đạc năm 1997 (do ông Nguyễn Quang T ký và được niêm yết ngày 23/5/2015) và phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 17/2/2017.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, anh Đỗ Đăng L trình bày: Anh nhất trí với quan điểm của ông Nguyễn Trung L đã trình bày, không bổ sung gì thêm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V khai trong hồ sơ thể hiện: Hiện tại bà tuổi cao, sức khỏe yếu nên bà không thể đến Tòa án làm việc được, bà đã ủy quyền cho ông Nguyễn Trung L và anh Đỗ Đăng L thay bà tham gia tố tụng tại Tòa án. Ý kiến của ông L và anh L cũng là ý kiến của bà.

* Các đồng bị đơn khai tại phiên tòa và trong hồ sơ thể hiện:

- Bị đơn ông Triệu Quang Y trình bày: Sau cuộc họp lấy ý kiến của khu dân cư nơi cư trú để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị V thì ông không tụ tập hay nói chuyện bất cứ nội dung gì liên quan đến bà V để làm ảnh hưởng đến quyền lợi, danh dự, nhân phẩm của bà V. Về yêu cầu khởi kiện của bà V ông không nhất trí.

- Ông Nguyễn Kim T trình bày: Ông là xóm trưởng xóm 2 từ năm 1997 đến cuối năm 2009, tại cuộc họp ngày 17/6/2009 do UBND xã Y chỉ đạo cho xóm triệu tập cuộc họp để lấy ý kiến của một số người có biết về nguồn gốc mảnh đất hiện nay đang tranh chấp. Tại cuộc họp có mặt bà Dương Thị D, anh Nguyễn Kim Khánh, bà Đinh Thị Q ba người nguyên là đội trưởng sản xuất qua các thời kỳ đã khẳng định diện tích đất tranh chấp không phải là của bà V, đất thuộc quyền quản lý của xã. Ông có được hỏi chồng của bà V là ông Đỗ Đăng B là Giấy xác nhận quyền sử dụng đất do UBND xã Y cắm đất cho vợ chồng ông hiện nay ở đâu thì ông B nói đã mất. Sau cuộc họp lấy ý kiến của dân cư thì ông không có kết luận gì về diện đất tranh chấp, chỉ có những ai biết thì cho ý kiến và được ghi vào trong biên bản của cuộc họp xóm. Đến cuối năm 2009 UBND xã Y cũng có triệu tập một cuộc họp để giải quyết vấn đề đất của bà V, trong cuộc họp có mặt ông Nguyễn Mạnh H - Bí thư Đảng uỷ xã Y là người chủ trì, ông Nguyễn Quang T là Chủ tịch UBND xã, ông Nguyễn Tiến Đ – Phó Chủ tịch xã, và có mặt trưởng các bộ phận của UBND xã, có mời ông Nguyễn Văn D nguyên là Chủ tịch UBND xã tại thời điểm cấp đất cho bà V ông B, ông cũng có mặt tại buổi họp, nội dung cuộc họp thể hiện phần đất đường đi chiều ngang 4m, chiều dài hết đất và ông vẫn giữ nguyên các ý kiến như cuộc họp ngày 17/6/2009 tại xóm. Kết luận cuộc họp là do UBND còn ông vẫn giữ nguyên các ý kiến như cuộc họp ngày 17/6/2009. Từ khi họp xóm, họp UBND xong thì ông cũng không tụ tập bàn bạc gì về đất đai nhà bà

V, vì ông ở xóm không có quyền gì việc cho hay không cho đất mà việc đó thuộc thẩm quyền của các cơ quan chức năng. Về yêu cầu khởi kiện của bà V ông không nhất trí.

- Bà Dương Thị D trình bày: Bà nguyên là đội trưởng của đội sản xuất nông nghiệp đội 16 xóm 22 xã Y, bà là người làm chứng chứng kiến mảnh đất đang có tranh chấp của bà V là con đường của nhân dân thường xuyên đi, sau khi có đường bê tông thì người dân không đi con đường đó nữa và gia đình bà V tự trồng rau màu trên con đường đó. Bà và gia đình bà V vẫn giữ tình làng nghĩa xóm không có gì làm mất danh dự nhân phẩm của gia đình bà V. Trước yêu cầu khởi kiện của bà V bà đề nghị bà V chứng minh bà đã làm gì để mất danh dự nhân phẩm kinh tế của gia đình bà V, bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà V.

- Ông Phạm Văn K trình bày: Thời điểm năm 2017 ông là tổ trưởng tổ dân phố, thực hiện công văn số 12-CV/UB của UBND phường Y về việc tổ chức lấy ý kiến khu dân cư, ngày 17/02/2017 ông đã mời một số người dân sống lâu cùng thời với bà V và biết rõ nguồn gốc đất nhà bà V đến họp. Tại cuộc họp ông là người chủ trì, chị N – cán bộ địa chính phường là người ghi, những người dân tham gia họp cùng có ý kiến như nội dung trong phiếu ý kiến khu dân cư và cùng nhất trí ký tên trong phiếu, chị Ngọc ghi xong mang phiếu ra UBND để niêm yết theo đúng trình tự quy định. Ông không được đưa ra ý kiến, ông không có lời nói, hành vi gì xúc phạp đến danh dự, nhân phẩm của bà V nên không nhất trí yêu cầu khởi kiện của bà V

- Các ông, bà Hoàng Văn C, Nguyễn Văn K, Vũ Chí H, Đinh Thị Q cùng có ý kiến thể hiện: Tại cuộc họp lấy ý kiến khu dân cư có nhiều người tham gia do ông Trần Đức H chỉ đạo, ông Phạm Văn K tổ trưởng tổ dân phố là chủ trì. Tại buổi họp các ông bà có mặt và có ý kiến như trong nội dung Phiếu lấy ý kiến khu dân cư là đúng. Sau cuộc họp đó các ông bà không có gặp bà Nguyễn Thị V, không được nói xấu gì bà V, không có lời nói, hành vi gì xúc phạm đến bà V. Các ông bà và gia đình bà V vẫn giữ tình làng nghĩa xóm không có gì làm mất danh dự, nhân phẩm của gia đình bà V. Trước yêu cầu khởi kiện của bà V các ông bà đề nghị bà V phải có mặt và chứng minh các ông bà đã làm gì để mất danh dự nhân phẩm và kinh tế của gia đình bà V, các ông bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà V.

- Ông Trần Đức H không nhất trí yêu cầu khởi kiện của bà V về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại danh dự, nhân phẩm và thiệt hại kinh tế. Bà V đã từng khởi kiện UBND phường Y ra Tòa án và đã được TAND thành phố T và TAND tỉnh Tuyên Quang xét xử, bản án đã có hiệu lực pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T căn cứ vào đó để làm rõ nội dung yêu cầu khởi kiện của bà V và để xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Ông Nguyễn Quang T trình bày: Ông làm chủ tịch UBND phường Y từ tháng 1/2014 đến tháng 9/2016, trong thời gian thực hiện chức trách nhiệm vụ ông có chỉ đạo cán bộ công chức phường hướng dẫn gia đình bà Nguyễn Thị V làm thủ tục và tiến hành các bước theo trình tự để làm thủ tục cấp GCNQSD đất cho

bà V, quá trình giải quyết ông chỉ gặp những người do bà V ủy quyền, không gặp trực tiếp bà V nên ông không thể có được hành vi vu khống, xâm phạm danh dự nhân phẩm đối với bà V, ông không nhất trí yêu cầu khởi kiện của bà V.

Quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị V có đơn đề nghị Tòa án giám định chữ ký của ông Triệu Quang Y và ông Vũ Chí H thể hiện trong "Phiếu lấy ý kiến khu dân cư" ngày 17/2/2017. Tại kết luận giám định số 703/GĐ-KTHS ngày 18/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Chữ ký ở cột "Ký tên" tương ứng với dòng số thứ tự 3 mang tên Triệu Quang Y và dòng số thứ tự 7 mang tên Vũ Chí H trong "Phiếu lấy ý kiến khu dân cư" về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất lập ngày 17/2/2017 với chữ ký ghi tên Triệu Quang Y, Vũ Chí H trong tài liệu ký hiệu *"M2", "M3"* (Tờ giấy A4 có chữ ký, chữ viết mang tên Triệu Quang Y, Vũ Chí H) do cùng 1 người ký.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2019/DS-ST, ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 147, 161, 162, 192, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 584, 592 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về việc:

Đề nghị Toà án buộc các đồng bị đơn (Ông Trần Đức H, ông Phạm Văn K, bà Dương Thị D, ông Nguyễn Kim T, ông Triệu Quang Y, bà Đinh Thị Q, ông Hoàng Văn C, ông Nguyễn Văn K, ông Vũ Chí H và ông Nguyễn Quang T) cùng có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại danh dự, nhân phẩm, tài sản cho bà Nguyễn Thị V.

Đề nghị Tòa án buộc các đồng bị đơn chấm dứt hành vi vu khống, xâm phạm danh dự nhân phẩm của bà Nguyễn Thị V và cải chính, xin lỗi công khai bằng văn bản.

Đề nghị Toà án xem xét tính hợp pháp của các văn bản do Uỷ ban nhân dân phường Y đưa ra niêm yết công khai và tuyên vô hiệu đối với các văn bản đó gồm: Danh sách công khai số 05/DS-TB, thông báo số 05/TB-UBND, sơ đồ trích lục thửa đất số 285, tờ bản đồ 51, đo đạc năm 1997 (do ông Nguyễn Quang T ký và được niêm yết ngày 23/5/2015); phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 17/2/2017 do ông Trần Đức H ký.

Ngoài ra, bản án còn giải quyết về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/11/2019 Tòa án nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ

thẩm số 113/2019/DS - ST ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm, hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn hủy bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V hợp lệ, trong hạn luật định. Nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị xem xét tính hợp pháp của các văn bản niêm yết tại UBND phường Y và yêu cầu khởi kiện đề nghị tuyên hủy hoặc tuyên vô hiệu phiếu lấy ý kiến khu dân cư đã được xem xét quyết định trong Bản án hành chính phúc thẩm và đã có hiệu lực pháp luật thuộc trường hợp đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự chấp nhận một phần kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm áp dụng điểm c khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này. Đối với nội dung kháng cáo còn lại Tòa án sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện là đúng, do vậy không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện ban đầu của bà Nguyễn Thị V ngày 05/6/2017 ngoài nội dung yêu cầu các bị đơn bồi thường do danh dự nhân phẩm bị xâm phạm, bị các bị đơn tung tin giả, vu khống có tổ chức thì còn có yêu cầu xem xét tính hợp pháp đối với các văn bản được UBND phường Y đưa ra niêm yết, yêu cầu tuyên vô hiệu, tuyên hủy các văn bản này. Tại thông báo thụ lý vụ án số 04/TB-TL ngày 07/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T đã thông báo không thụ lý yêu cầu này là có thiếu sót, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành các hoạt động để xem xét, giải quyết đối với yêu cầu này như lấy lời khai đương sự, trưng cầu giám định chữ ký trong biên bản lấy ý kiến khu dân cư nhằm đánh giá tính hợp pháp của các tài liệu văn bản này, thiếu

sót trong việc ban hành thông báo thụ lý vụ án của tòa án cấp sơ thẩm cần được rút kinh nghiệm.

Về yêu cầu xem xét tính hợp pháp và tuyên vô hiệu đối với các văn bản do UBND phường Y niêm yết:

Năm 2015 gia đình bà Nguyễn Thị V có đơn khởi kiện vụ án hành chính về việc khiếu kiện hành vi hành chính của UBND phường Y ra Tòa án nhân dân thành phố T và đề nghị Tòa án giải quyết: Yêu cầu UBND phường Y giải quyết đơn khiếu nại của bà V theo đúng quy định của pháp luật. Hoàn tất các thủ tục xin cấp Giấy CNQSD đất cho gia đình bà V theo đúng quy định pháp luật. Yêu cầu Tòa án xem xét tính hợp pháp hay không hợp pháp đối với 03 tài liệu do ông Nguyễn Quang T (là Chủ tịch) ký, đóng dấu và niêm yết ngày 23/5/2015 tại nhà văn hóa tổ 02, phường Y (gồm 02 văn bản và 01 sơ đồ trích lục thửa đất tại thửa 285, tờ bản đồ số 51, năm 1997). Yêu cầu Tòa án trưng cầu Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang thẩm định, đo đạc tại thửa đất 285, tờ bản đồ số 51, năm 1997.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà V bổ sung thêm nội dung khởi kiện: Yêu cầu Tòa án xem xét tính hợp pháp hay không hợp pháp đối với văn bản "Phiếu lấy ý kiến khu dân cư" đề ngày 17/02/2017 do Chủ tịch UBND Phường Y - ông Trần Đức H ký, đóng dấu; Yêu cầu triệu tập người làm chứng: Gồm có các ông, bà Phạm Văn K, Dương Thị D, Nguyễn Kim T, Triệu Quang Y, Đinh Thị Q, Hoàng Văn C, Nguyễn Văn K, Vũ Chí H, Nguyễn Quang T cùng trú tại tổ 02, Phường Y, thành phố T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 16/5/2017 của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V. Ngày 19/5/2017 bà V và người đại diện theo ủy quyền của bà V có đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 16/5/2017 của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xem xét tính hợp pháp của các văn bản do ông Nguyễn Quang T (là Chủ tịch) ký, đóng dấu và niêm yết ngày 23/5/2015 tại nhà văn hóa tổ 02, Phường Y (gồm 02 văn bản và 01 sơ đồ trích lục thửa đất tại thửa 285, tờ bản đồ số 51, năm 1997). Tuyên hành vi lấy phiếu ý kiến khu dân cư, niêm yết các văn bản của UBND phường Y là trái quy định của pháp luật. Đề nghị triệu tập những người làm chứng mà cấp sơ thẩm chưa triệu tập và tuyên hủy văn bản không có tên ngày 13/3/2017 do ông Trần Đức H ký trong tập hồ sơ cấp GCNQSD đất của bà Nguyễn Thị V. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 01/2017/HC-PT ngày 08/8/2017 của Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã quyết định: Bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị V.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà V về việc xem xét tính hợp pháp của các văn bản gồm danh sách công khai số 05/DS-TB, thông báo số 05/TB-UBND, sơ đồ trích lục thửa đất, thửa số số 285, tờ bản đồ 51, đo đạc năm 1997 (do ông Nguyễn Quang T ký và được niêm yết ngày 23/5/2015); yêu cầu tuyên hủy hoặc

tuyên vô hiệu đối với phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 17/2/2017 đã được giải quyết bằng Bản án có hiệu lực pháp luật, nội dung này đã được Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đánh giá trong phần nhận định của bản án. Theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 192 và điểm g khoản 1 điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự thì trường hợp này yêu cầu khởi kiện của bà V về việc xem xét tính hợp pháp của các văn bản mà UBND phường Y niêm yết (danh sách công khai số 05/DS-TB, thông báo số 05/TB – UBND, sơ đồ trích lục thửa đất thửa 285, tờ bản đồ 51, đo đạc năm 1997) và yêu cầu tuyên vô hiệu đối với phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 17/2/2017 là yêu cầu đã được giải quyết bằng Bản án đã có hiệu lực pháp luật vì vậy đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn quá trình nhận xử lý đơn khởi kiện Tòa án sơ thẩm phải trả lại đơn hoặc thông báo không thụ lý yêu cầu này, nếu đã thụ lý thì phải được đình chỉ và tuyên hậu quả của việc đình chỉ theo quy định, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết nhận định tại bản án và tuyên bác yêu cầu này của nguyên đơn là chưa phù hợp, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu xem xét tính hợp pháp của các văn bản mà UBND phường Y niêm yết (danh sách công khai số 05/DS-TB, thông báo số 05/TB – UBND, sơ đồ trích lục thửa đất thửa 285, tờ bản đồ 51, đo đạc năm 1997) và yêu cầu tuyên vô hiệu đối với phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 17/2/2017.

[2]. ***Về yêu cầu bồi thường thiệt hại danh dự, nhân phẩm và tài sản:***

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị V đề nghị Tòa án giải quyết các đồng bị đơn có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại danh dự, nhân phẩm và thiệt hại về tài sản cho bà V do có hành vi vu khống bà V lấn chiếm đường đi, lấn chiếm đất đai thông qua việc ký và có ý kiến vào văn bản lấy ý kiến khu dân cư, gây thiệt hại cho bà V.

Hội đồng xét xử thấy rằng như đã phân tích nêu trên yêu cầu khởi kiện về xem xét tính hợp pháp của các văn bản UBND phường Y niêm yết (danh sách công khai số 05/DS-TB, thông báo số 05/TB – UBND, sơ đồ trích lục thửa đất thửa 285, tờ bản đồ 51, đo đạc năm 1997) và yêu cầu tuyên vô hiệu đối với phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 17/2/2017 đã được giải quyết bằng Bản án hành chính phúc thẩm số 01/2017/HC-PT, theo phán quyết của Bản án thì bà V bị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện, do đó bà V không chứng minh được việc các bị đơn ký, ghi ý kiến vào phiếu lấy ý kiến khu dân cư là hành vi trái pháp luật gây thiệt hại cho bà V; ngoài ra bà V không đưa ra được các tài liệu chứng cứ chứng minh danh dự, nhân phẩm và tài sản của bà V bị xâm hại do ý kiến của những người dân tham gia cuộc họp gây ra, các tài liệu chứng cứ chứng minh những người dân tham gia cuộc họp có hành vi vu khống bà V, các tài liệu chứng cứ chứng minh những tổn hại về danh dự, nhân phẩm và tài sản của bà V.

Khoản 1 Điều 584 Bộ luật Dân sự 2015 quy định căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại: *"Người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của*

người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác."

Tại cuộc họp cũng như sau cuộc họp, những người tham gia phiên họp không có bất cứ hành vi nào xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, tài sản của bà V, không gây ra bất cứ thiệt hại gì cho bà V. Tại phiên tòa những người tham gia cuộc họp và cũng là đồng bị đơn trong vụ án đều giữ nguyên quan điểm như trong nội dung "Phiếu lấy ý kiến khu dân cư" lập ngày 17/02/2017 là đúng, việc xác nhận là đất đường đi đã được thể hiện tại các cuộc họp của UBND phường Y trong năm 2009 khi ông Đỗ Đăng B còn sống. Ông Phạm Văn K chỉ là người chủ trì cuộc họp (thực hiện theo sự chỉ đạo của UBND phường Y tại Công văn số 12/CV-UBND ngày 08/02/2017 chỉ đạo tổ trưởng tổ 2 tổ chức họp lấy ý kiến của khu dân cư làm rõ về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với từng phần diện tích của thửa đất số 285, tờ bản đồ số 51), ông Trần Đức H, ông Nguyễn Quang T đại diện chính quyền địa phương ký xác nhận, chứng thực các văn bản của UBND phường về việc làm thủ tục cấp GCNQSD đất cho bà Nguyễn Thị V, đây là một trong những trình tự (bước) để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V. Bà V cũng chưa được cơ quan chức năng nào giải quyết, kết luận tinh thần bị ảnh hưởng, bị tổn thất do hành vi của các đồng bị đơn gây ra.

Do bà Nguyễn Thị V không chứng minh được các bị đơn có hành vi trái pháp luật và hành vi trái pháp luật của các đồng bị đơn đã ảnh hưởng như thế nào đến danh dự nhân phẩm của bà V cũng như kinh tế bị thiệt hại; không nêu được rõ từng khoản thiệt hại thực tế đã xảy ra, mức yêu cầu bồi thường và cung cấp các chứng từ hoặc giấy biên nhận hợp lệ về các khoản chi phí hợp lý, về thu nhập của bà V bị thiệt hại; không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ xem xét.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử thấy rằng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bồi thường danh dự nhân phẩm của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm không phát sinh tình tiết mới, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T về việc bác yêu cầu bồi thường thiệt hại danh dự nhân phẩm của bà V, phù hợp với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 12 và Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308, điều 309; Điểm c khoản 1 điều 192, điểm g khoản 1 điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V, sửa một phần bản án sơ thẩm số 113/2019/DS-ST, ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T như sau:

1.1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Xem xét tính hợp pháp của các văn bản niêm yết tại UBND phường Y (danh sách công khai số 05/DS-TB, thông báo số 05/TB – UBND, sơ đồ trích lục thửa đất thửa 285, tờ bản đồ 51, đo đạc năm 1997) và yêu cầu khởi kiện đề nghị tuyên hủy hoặc tuyên vô hiệu phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 17/2/2017.

Nguyên đơn không có quyền khởi kiện lại yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu khởi kiện này.

1.2. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V đối với các yêu cầu:

Đề nghị Toà án buộc các đồng bị đơn (Ông Trần Đức H, ông Phạm Văn K, bà Dương Thị D, ông Nguyễn Kim T, ông Triệu Quang Y, bà Đinh Thị Q, ông Hoàng Văn C, ông Nguyễn Văn K, ông Vũ Chí H và ông Nguyễn Quang T) cùng có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại danh dự, nhân phẩm, tài sản cho bà Nguyễn Thị V.

Đề nghị Tòa án buộc các đồng bị đơn chấm dứt hành vi vu khống, xâm phạm danh dự nhân phẩm của bà Nguyễn Thị V và cải chính, xin lỗi công khai bằng văn bản.

1.3 Chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị V phải chịu chi phí giám định là 3.660.000 đồng, bà V đã nộp đủ số tiền chi phí giám định.

1.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị V được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm

Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 29/4/2020).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

Ma Ngọc Trung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Hồ Loan **Lê Tuấn Tú** **Ma Ngọc Trung**